

Bản án số: 332/2026/DS-ST

Ngày 18-5-2026

V/v hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Tùng.

2/ Ông Nguyễn Văn Mến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2026/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 569/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Quỹ Tín dụng Nhân dân N.**

Địa chỉ: **A Đường số A, khu đô thị N, phường C, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1972. (Có mặt).

Chức vụ: Giám đốc. Căn cước công dân: 074072000164.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2026).

2. Bị đơn:

2.1 Ông **Đặng Thanh P**, sinh năm 1976. Căn cước công dân: 092076004096. (Vắng mặt).

2.2 Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1978. Căn cước công dân: 092178004657. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Số A khu V, phường C, thành phố Cần Thơ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Quỹ Tín dụng Nhân dân N** (sau đây gọi tắt là **Quỹ Tín dụng**) trình bày: Vào ngày 24/01/2024 **Quỹ Tín dụng** đã ký với ông **P**, bà **K** hợp đồng tín dụng số 1-0007094/2024/HĐTD/QTDNDNCT cho

vay 50.000.000 đồng và và hợp đồng tín dụng số 1-0007095/2024/HĐTD/QTDNDNCT cho vay 50.000.000 đồng. Hai hợp đồng trên có thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất trong hạn thỏa thuận 19.2%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi ký hợp đồng, Quỹ Tín dụng đã giải ngân, ông bà đã nhận tiền theo Phiếu chi tiền ngày 25/01/2024 và Giấy nhận nợ ngày 25/01/2024 với tổng số tiền chi/nhận 100.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 1-0007094/2024/HĐTD/QTDNDNCT ông bà thanh toán được một phần nợ gốc, lãi. Vi phạm nghĩa vụ từ ngày 19/8/2025, T1 đến thời điểm ngày 24/02/2026 còn nợ gốc 49.697.100 đồng, nợ lãi 10.143.200 đồng (gồm: nợ lãi trong hạn 4.967.000 đồng và nợ lãi quá hạn 5.176.200 đồng); Hợp đồng tín dụng số 1-0007095/2024/HĐTD/QTDNDNCT ông bà không thanh toán nợ gốc, lãi. Vi phạm nghĩa vụ từ ngày 25/6/2024, T1 đến thời điểm ngày 24/02/2026 còn nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi 21.252.200 đồng (gồm: nợ lãi trong hạn 16.044.300 đồng và nợ lãi quá hạn 5.207.700 đồng). Tổng tiền nợ gốc lãi của 02 hợp đồng trên là 131.092.300 đồng.

Quỹ Tín dụng khởi kiện yêu cầu ông P, bà K trả nợ vay gốc, lãi của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 131.092.300 đồng, tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận hợp đồng từ ngày 25/02/2026 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông P, bà K: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không ghi nhận được lời khai, ý kiến, yêu cầu của ông đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng.

Tại phiên tòa: đại diện hợp pháp Quỹ Tín dụng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền vay gốc, lãi còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 18/5/2026 tiền gốc, lãi của từng hợp đồng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 1-0007094/2024/HĐTD/QTDNDNCT ngày 24/01/2024: Tiền vay gốc 49.697.100 đồng, lãi trong hạn 7.110.700 đồng và lãi quá hạn 3.555.400 đồng. Tổng nợ gốc, lãi: 60.363.200 đồng;

2. Hợp đồng tín dụng số 1-0007095/2024/HĐTD/QTDNDNCT ngày 24/01/2024: Tiền vay gốc 50.000.000 đồng, lãi trong hạn 18.201.000 đồng và lãi quá hạn 6.286.100 đồng. Tổng nợ gốc, lãi: 74.487.100 đồng;

Ngoài ra, ông P, bà K còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận hợp đồng từ ngày 19/5/2026 cho đến khi trả hết nợ.

Ông P, bà K vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng được Quỹ Tín dụng và ông P, bà K ký kết đúng quy định. Ông bà được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ (có ký nhận) nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của Quỹ Tín dụng chứng tỏ: Ông bà thống nhất, thừa nhận các nội dung khởi kiện của Quỹ Tín dụng, thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay gốc, lãi. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng là có căn cứ.

Căn cứ các Điều 98, 100, 108 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn kiện, lời khai của đương sự cùng chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông P, bà K có đơn xét xử vắng mặt, Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P, bà K theo quy định.

[2] Về quan hệ tín dụng: Ông P, bà K được Tòa án triệu tập hợp lệ, các thủ tục tố tụng được ông bà ký nhận nhưng không có văn bản phản hồi, trình bày ý kiến, yêu cầu của mình về việc khởi kiện của Quỹ Tín dụng chứng tỏ ông bà đã được biết và không phản đối những nội dung, yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời khai, chứng cứ mà Quỹ Tín dụng cung cấp như 02 hợp đồng tín dụng, Phiếu chi, Giấy nhận nợ là chứng cứ chứng minh ông P, bà K có ký hợp đồng tín dụng vay tiền, đã nhận tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay gốc, lãi như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, Quỹ Tín dụng khởi kiện ông bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, đúng pháp luật. Số tiền ông bà phải trả cho Q Tín dụng cho 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 18/5/2026 là 134.850.300 đồng, cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 1-0007094/2024/HĐTD/QTDNDNCT ngày 24/01/2024: Tiền vay gốc 49.697.100 đồng, lãi trong hạn 7.110.700 đồng và lãi quá hạn 3.555.400 đồng. Tổng nợ gốc, lãi: 60.363.200 đồng; Hợp đồng tín dụng số 1-0007095/2024/HĐTD/QTDNDNCT ngày 24/01/2024: Tiền vay gốc 50.000.000 đồng, lãi trong hạn 18.201.000 đồng và lãi quá hạn 6.286.100 đồng. Tổng nợ gốc, lãi: 74.487.100 đồng. Ngoài ra, ông P, bà K còn phải tiếp tục trả lãi cho Q Tín dụng theo mức lãi suất thỏa thuận hợp đồng từ ngày 19/5/2026 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng có căn cứ chấp nhận toàn bộ nên ông P, bà K phải chịu 6.743.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Q Tín dụng tiền tạm ứng án phí 3.278.000 đồng theo Biên lai số 0005015 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, khoản 2 Điều 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng Nhân dân N.

Buộc ông **Đặng Thanh P** và bà **Nguyễn Thị K** phải trả cho **Quỹ Tín dụng Nhân dân N** tổng số tiền nợ gốc, lãi 134.850.300 đồng (Gồm: Hợp đồng tín dụng số 1-0007094/2024/HĐTD/QTDNDNCT ngày 24/01/2024 nợ gốc 49.697.100 đồng, nợ lãi trong hạn 7.110.700 đồng và nợ lãi quá hạn 3.555.400 đồng; Hợp đồng tín dụng số 1-0007095/2024/HĐTD/QTDNDNCT ngày 24/01/2024 nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.201.000 đồng và nợ lãi quá hạn 6.286.100 đồng).

Ngoài ra, ông **P**, bà **K** còn phải tiếp tục trả lãi cho **Q** Tín dụng theo mức lãi suất thỏa thuận hợp đồng từ ngày 19/5/2026 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Ông **Đặng Thanh P** và bà **Nguyễn Thị K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.743.000 đồng. Hoàn trả cho **Q** Tín dụng tiền tạm ứng án phí 3.278.000 đồng theo Biên lai số 0005015 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Thành phố Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3 – Cần Thơ;
- P. THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 12).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Mẫn